

Số: 2445/QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**VỀ VIỆC BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING**

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;*

*Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo ngày 25 tháng 12 năm 2021;  
Theo đề nghị của Trường các khoa và Trường phòng Quản lý khoa học.*

**QUYẾT ĐỊNH:**


**Điều 1.** Ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ Ngành Quản trị kinh doanh, mã ngành 9340101.

**Điều 2.** Chương trình đào tạo được quy định tại Điều 1 được áp dụng, thực hiện cho các khóa tuyển sinh từ năm 2022.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Quản lý khoa học, Trưởng khoa Quản trị kinh doanh, Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Lưu: VT, QLKH.

  
**Phạm Tiên Đạt**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 2445/QĐ-ĐHTCM, ngày 29 tháng 12 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

### PHẦN 1: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- NGÀNH ĐÀO TẠO: **Quản trị Kinh doanh**
- TIẾNG ANH: **Business Administration**
- TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: Tiến sĩ
- MÃ SỐ: 9340101
- LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: Không tập trung

#### 1.1 Mục tiêu của chương trình đào tạo

##### 1.1.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo **Tiến sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh** tại Trường Đại học Tài chính - Marketing nhằm đào tạo người nghiên cứu có trình độ cao về lý thuyết và khả năng ứng dụng chủ động, nắm bắt những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực kinh doanh và quản lý, theo kịp sự phát triển quản trị trong nước và thế giới; có trình độ cao về lý thuyết, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học, công nghệ và hướng dẫn nghiên cứu khoa học và có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt.

##### 1.1.2 Mục tiêu cụ thể

###### a) Phẩm chất

Góp phần hình thành đội ngũ giảng viên và nhà nghiên cứu cao cấp, chuyên sâu trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, trách nhiệm đối với xã hội và môi trường, tôn trọng pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế.

###### b) Kiến thức

- Cung cấp kiến thức cập nhật, hiện đại và chuyên sâu về các lý thuyết quản trị;
- Cung cấp các lý thuyết chuyên ngành chuyên sâu về các mô hình quản trị

và kinh doanh đương đại, các kỹ thuật phân tích đánh giá tình hình cạnh tranh của thị trường, biến động của môi trường kinh doanh và thiết lập chiến lược kinh doanh và quản lý phù hợp cho từng mô hình kinh doanh;

- Cung cấp kiến thức về phương pháp nghiên cứu và sử dụng công cụ nghiên cứu khoa học trong kinh doanh.

c) *Kỹ năng*

- Nâng cao kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị và kinh doanh, khả năng sáng tạo, chủ động nhân diện, tìm tòi và phát hiện những cái mới;
- Nâng cao năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng và tổ chức thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu có thể tạo ra những tri thức mới có giá trị khoa học và thực tiễn;
- Nâng cao năng lực nghiên cứu và tổ chức, hướng dẫn nghiên cứu khoa học, có kỹ năng phương pháp và vận dụng thành thực các kỹ thuật lẫn công cụ nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh;
- Rèn luyện tư duy phản biện, nhận định đánh giá về học thuật;
- Rèn luyện kỹ năng tổng hợp, trình bày vấn đề khoa học; viết và công bố các kết quả nghiên cứu khoa học.

## 1.2 Chuẩn đầu ra

### 1.2.1 Kiến thức

K1. Tổng kết được các lý thuyết tiên tiến cốt lõi, nền tảng thuộc lĩnh vực quản trị, quản trị kinh doanh;

K2. Có khả năng phân tích, đánh giá chuyên sâu, toàn diện thực tiễn lĩnh vực quản trị, quản trị kinh doanh;

K3. Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu và sử dụng công cụ nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản trị, quản trị kinh doanh.

Về công bố khoa học: theo Thông tư số 18/2021/BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ, là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa

của Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định cho mỗi loại công trình, có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

### **1.2.2 Kỹ năng**

S1. Làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp và công cụ phục vụ nghiên cứu;

S2. Có khả năng tổng hợp, phân tích thông tin, phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách sáng tạo trong lĩnh vực quản trị và quản trị kinh doanh;

S3. Có khả năng phản biện, suy luận và đánh giá các công trình khoa học về quản trị, quản trị kinh doanh;

S4. Có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực quản trị quản trị kinh doanh;

S5. Có khả năng phổ biến kiến thức, thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực quản trị và quản trị kinh doanh.

### **1.2.3 Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm**

A1. Có khả năng tạo ra các giá trị mới trong quản trị, quản trị kinh doanh;

A2. Có khả năng đưa ra kết luận, kiến nghị mang tính chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn;

A3. Có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn thuộc lĩnh vực quản trị, quản trị kinh doanh;

A4. Bảo đảm trung thực và liêm chính trong nghiên cứu khoa học.

## **1.3 Tên văn bằng, tuyển sinh và tốt nghiệp**

### **1.3.1 Tên văn bằng**

a) *Ngành đúng, ngành gần*: Có văn bằng phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển: bằng thạc sĩ khối kinh tế, kinh doanh và quản lý đối với các chuyên ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý. Trong trường hợp người dự tuyển có bằng thạc sĩ cùng khối kinh tế, kinh doanh và quản lý nhưng không thuộc chuyên ngành đúng với chuyên ngành dự tuyển, thì người dự tuyển cần học bổ sung một số học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ sau khi trúng tuyển.

b) *Ngành khác*: Có văn bằng ngành khác nhưng có hướng nghiên cứu về kinh tế, kinh doanh và quản lý thì sau khi trúng tuyển phải học bổ sung toàn bộ kiến thức

chuyên ngành thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành.

c) Chưa có bằng thạc sĩ: Trường hợp chưa có bằng thạc sĩ, thì người dự tuyển cần có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên, đồng thời phải học bổ sung chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành, hướng nghiên cứu.

### 1.3.2 Tuyển sinh

a) Hình thức tuyển sinh: xét tuyển

b) Điều kiện văn bằng

- Có bằng thạc sĩ ngành phù hợp hoặc ngành gần với ngành đăng ký xét tuyển hoặc có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển (Bảng 2).

- Là tác giả ít nhất 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

+ Bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là một trong các ngoại ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật;

+ Bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ngành ngôn ngữ nước ngoài (Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật) do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

+ Người dự tuyển sử dụng văn bằng, chứng chỉ không phải Tiếng Anh thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

**Bảng 1. Bảng tham chiếu các chứng chỉ tiếng nước ngoài**

STT	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL iBT	45 - 93
2	IELTS	5 - 6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction

4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe-Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 6
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-2

Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

c) *Bài luận về hướng nghiên cứu*

Trình bày về hướng nghiên cứu hoặc chủ đề nghiên cứu: tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan; lý do tại sao chọn hướng nghiên cứu; mục tiêu, nhiệm vụ và kết quả nghiên cứu dự kiến; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của người dự tuyển.

**Bảng 2. Bảng tham chiếu các ngành đúng, gần và khác**

<b>Ngành đúng/phù hợp (không học bổ sung kiến thức)</b>	<b>Ngành gần (học bổ sung kiến thức)</b>	<b>Ngành khác (học bổ sung kiến thức)</b>
1. Quản trị kinh doanh 2. Kinh doanh và Quản lý 3. Marketing 4. Quản trị du lịch 5. Quản trị nhà hàng khách sạn 6. Quản trị kinh doanh quốc tế 7. Quản lý công nghiệp	1. Kế toán 2. Kiểm toán 3. Kinh tế ngoại thương 4. Kinh tế du lịch 5. Tài chính 6. Ngân hàng 7. Chứng khoán 8. Kinh tế nông nghiệp 9. Kinh tế tài nguyên và môi trường 10. Kinh tế thủy sản 11. Kinh tế thương nghiệp 12. Kinh tế kế hoạch đầu tư Và các ngành kinh tế khác mà bằng tốt nghiệp là Cử nhân kinh tế	1. Khối ngành Khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật 2. Khối ngành Khoa học xã hội và Nhân văn

### 1.3.3 Điều kiện tốt nghiệp

Đã bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ và đáp ứng Điều 19 Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.

## 1.4 Nội dung chương trình đào tạo

### 1.4.1 Nội dung tóm tắt chương trình đào tạo

#### ❖ Đối với NCS có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 90 tín chỉ, trong đó:

- Các học phần tiến sĩ: 14 tín chỉ
- Các chuyên đề tiến sĩ: 6 tín chỉ
- Luận án tiến sĩ: 70 tín chỉ

#### ❖ Đối với NCS có bằng thạc sĩ ngành gần

Tổng số tín chỉ phải tích lũy đủ: 105 tín chỉ, trong đó:

- Kiến thức bổ sung: 15 tín chỉ
- Các học phần tiến sĩ: 14 tín chỉ
- Các chuyên đề tiến sĩ: 6 tín chỉ
- Luận án tiến sĩ: 70 tín chỉ

### 1.4.2 Nội dung chi tiết chương trình đào tạo

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	Ghi chú
<b>I.</b>	<b>CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG</b>	<b>15</b>	
1	Quản trị chiến lược nâng cao	3	
2	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	3	
3	Quản trị marketing nâng cao	3	
4	Quản trị tài chính nâng cao	3	
5	Quản trị vận hành và chuỗi cung ứng	3	
<b>II.</b>	<b>CÁC HỌC PHẦN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ, CÁC CHUYÊN ĐỀ</b>	<b>20</b>	
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>8</b>	
1	Phương pháp nghiên cứu 1	2	
2	Phương pháp nghiên cứu 2	3	
3	Phương pháp nghiên cứu 3	3	
<b>II.2</b>	<b>Các học phần chuyên sâu (chọn 2 trong 4 học phần)</b>	<b>6</b>	
1	Lý thuyết đương đại về Quản trị kinh doanh	3	
2	Lý thuyết, nghiên cứu và thực hành Quản trị doanh nghiệp	3	



3	Quản trị tri thức	3	
4	Quản trị đổi mới sáng tạo	3	
<b>II.3 CÁC CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ</b>		<b>6</b>	
1	Chuyên đề 1: Báo cáo tổng quan của luận án	2	
2	Chuyên đề 2: Phương pháp nghiên cứu của luận án	2	
3	Chuyên đề 3: Kết quả nghiên cứu luận án	2	
<b>III. NGHIÊN CỨU VÀ THỰC HIỆN LUẬN ÁN</b>		<b>70</b>	
	Luận án tiến sĩ	70	
<b>TỔNG CỘNG</b>			

### **1.5 Mô tả tóm tắt nội dung các học phần kiến thức bổ sung, các học phần trình độ tiến sĩ chuyên sâu, tiểu luận tổng quan, các chuyên đề tiến sĩ và luận án tiến sĩ**

#### **1.5.1 Các học phần kiến thức bổ sung**

Cung cấp cho NCS kiến thức bổ trợ và bổ sung cho việc hoàn thiện nhận thức lẫn trang bị đầy đủ kiến thức nền tảng về kinh doanh và quản lý để có thể biết, hiểu và vận dụng 1 cách thuần thục hiệu quả vào việc học tập nâng cao và chuyên sâu ở trình độ tiến sĩ. Các kiến thức xoay quanh nội hàm về quản trị trong 1 tổ chức, cụ thể như nguyên tắc chung của quản trị, quản trị về tài chính, sản xuất vận hành, quản trị chiến lược, quản trị nguồn nhân lực, quản trị marketing, quản trị kinh doanh quốc tế nhằm cung cấp cho xã hội những chuyên gia giỏi về lý thuyết quản trị và kinh doanh.

Chương trình tiến sĩ quản trị kinh doanh còn hướng đến đào tạo các nhà quản lý chuyên nghiệp cấp cao thông qua việc phát triển các lý thuyết về quản lý, từ đó nâng cao các kỹ năng lãnh đạo và chiến lược, đóng góp vào thực tiễn quản lý và tạo thêm giá trị cho tổ chức của họ. Chương trình cũng cho phép NCS tích lũy được các kiến thức nâng cao về quản trị và kỹ năng nghiên cứu. NCS được trang bị sẵn sàng để tiến hành nghiên cứu trong chính tổ chức của mình thông qua các kinh nghiệm thực tiễn của bản thân và mô hình hóa thành các thuyết về quản trị.

#### **1.5.2 Các học phần trình độ tiến sĩ chuyên sâu**

Cung cấp cho NCS kiến thức mang tính lý luận chuyên sâu ở mức độ cao của ngành và chuyên ngành, giúp NCS nâng cao nhận thức và tiếp cận nền tảng lý thuyết hiện đại, cập nhật các xu hướng nghiên cứu mới đang thu hút mọi quan tâm của cộng đồng khoa học về lĩnh vực kinh doanh và quản lý, cũng như cập nhật các xu hướng nghiên cứu mới đang thu hút mọi quan tâm của cộng đồng khoa học. Tùy theo đặc thù của các chuyên ngành đào tạo, các Khoa/Viện, Bộ môn lựa chọn những vấn đề lý thuyết nâng cao và mở rộng để hình thành các chuyên đề đưa vào giảng dạy cho NCS.

### 1.5.3 Tiểu luận tổng quan

Tổng quan nghiên cứu là một công đoạn quan trọng trong quá trình thực hiện luận án tiến sĩ, qua đó NCS thể hiện khả năng tổng hợp, phân tích, so sánh, đánh giá các công trình nghiên cứu đã công bố có liên quan đến đề tài luận án (như bài báo khoa học, sách, kỷ yếu của các hội thảo khoa học, các đề tài nghiên cứu khoa học... được công bố trong và ngoài nước), để từ đó tìm ra khoảng trống nghiên cứu và lựa chọn định hướng cho đề tài của mình. Để thực hiện tiểu luận tổng quan, NCS tự tìm tòi các công trình khoa học có liên quan và nghiên cứu tổng hợp trên những nội dung chính sau đây:

- Những hướng nghiên cứu chính của vấn đề đã được thực hiện, những cơ sở lý luận chính đã được áp dụng để nghiên cứu vấn đề.

- Những kết quả nghiên cứu chính của các công trình nghiên cứu, những phương pháp nghiên cứu đã được áp dụng, hạn chế của những nghiên cứu trước và những vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu.

Phần tổng quan tình hình nghiên cứu phải đạt được những yêu cầu sau đây:

- Tính toàn diện: tổng hợp được những nghiên cứu điển hình về lý thuyết và thực nghiệm, nghiên cứu kinh điển và nghiên cứu mới nhất, nghiên cứu được tiến hành (và công bố) trong và ngoài nước.

- Tính phê phán: tổng hợp, so sánh, phân tích, và đánh giá những nghiên cứu trước một cách có hệ thống, chỉ rõ những kết quả đạt được cũng như hạn chế của các nghiên cứu trước, từ đó xác định “khoảng trống” tri thức hoặc những câu hỏi nghiên cứu còn bỏ ngỏ.

- Tính phát triển: Trên cơ sở tổng hợp và phân tích những nghiên cứu trước, gợi mở những lĩnh vực cần tiếp tục nghiên cứu liên quan tới đề tài.

### 1.5.4 Các chuyên đề tiến sĩ

Mỗi nghiên cứu sinh (NCS) phải hoàn thành 2 chuyên đề tiến sĩ, thông qua đó NCS tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học nhằm giải quyết một số nội dung của đề tài luận án.

Người hướng dẫn và NCS cần xác định các chuyên đề tiến sĩ thiết thực với quá trình đào tạo và đề tài luận án của NCS, đồng thời phù hợp với danh mục hướng nghiên cứu của Bộ môn. Việc thực hiện các chuyên đề tiến sĩ tiến hành bằng cách tự học, tự nghiên cứu của NCS dưới sự giúp đỡ của người hướng dẫn. Mỗi chuyên đề được xây dựng như một báo cáo khoa học để giải quyết một hoặc một phần câu hỏi nghiên cứu đặt ra trong luận án tiến sĩ.

### **1.5.5 Nghiên cứu và thực hiện Luận án tiến sĩ**

Nghiên cứu khoa học là giai đoạn đặc thù trong quá trình thực hiện luận án tiến sĩ. Tùy theo tính chất của chuyên ngành và đề tài nghiên cứu, Bộ môn có yêu cầu cụ thể đối với các nội dung nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, hoặc yêu cầu NCS tham gia các hoạt động nghiên cứu của Khoa, Bộ môn, để từ đó NCS tích lũy kiến thức, phát huy sáng tạo và khả năng nghiên cứu, nhằm đạt tới tri thức mới hoặc giải pháp mới. Đây là các cơ sở quan trọng để NCS viết luận án tiến sĩ.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của NCS tại Khoa và Bộ môn có thể dưới các hình thức: tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học cùng các giảng viên trong Khoa, Bộ môn; tham gia giảng dạy một số chuyên đề ở trình độ đại học, tham gia xây dựng giáo trình, học liệu... Kết quả nghiên cứu khoa học cần phải được cõ xét và khẳng định thông qua:

- Báo cáo kết quả nghiên cứu cấp trường: sau hai năm thực hiện nghiên cứu;
- Tối thiểu hai bài báo đăng trên tạp chí có uy tín trong lĩnh vực chuyên môn;
- Tối thiểu một tham luận đăng trong kỷ yếu hội thảo chuyên ngành.

Sản phẩm cuối cùng của quá trình nghiên cứu khoa học là luận án tiến sĩ hoàn chỉnh của NCS, được Khoa/Viện chuyên ngành và Bộ môn nhất trí thông qua, đề nghị đưa ra bảo vệ ở Hội đồng đánh giá cấp cơ sở và Hội đồng đánh giá luận án chính thức.

#### **a) Yêu cầu về luận án tiến sĩ**

Luận án tiến sĩ phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành khoa học hay thực tiễn kinh tế - xã hội. Luận án phải có những đóng góp mới về mặt học thuật, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học, vận dụng những lý luận cơ bản của ngành khoa học để phân tích, bình luận các luận điểm và kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở đó đặt ra vấn đề mới, giả thuyết mới có ý nghĩa hoặc các giải pháp mới để giải quyết các vấn đề đặt ra của luận án và chứng minh được bằng những tư liệu mới.

#### **b) Quy trình bảo vệ luận án tiến sĩ bao gồm**

- Tại Trường:
- ✓ Đánh giá luận án tiến sĩ tại Hội đồng cấp cơ sở gồm 7 thành viên.

- ✓ Phản biện độc lập: luận án được gửi cho hai nhà khoa học lấy ý kiến độc lập.
- ✓ Đánh giá luận án tiến sĩ tại Hội đồng chính thức (cấp trường) gồm 7 thành viên.
- Tại Bộ Giáo dục và Đào tạo:
  - ✓ Thẩm định luận án tiến sĩ: ngẫu nhiên 30% hoặc khi có đơn thư khiếu nại.

NCS được xét công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường tối thiểu 3 tháng, có kết quả thẩm định đạt yêu cầu hoặc không có tên trong danh sách thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## PHẦN 2: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

### 2.1 Giảng viên tham gia đào tạo

#### 2.1.1 Danh sách giảng viên cơ hữu

STT	HỌ VÀ TÊN	HỌC HÀM - HỌC VỊ	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH	HỌC PHẦN THAM GIA GIẢNG DẠY
1.	Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư	PGS.TS	Kinh tế học	Quản trị tri thức
2.	Nguyễn Văn Hiến	TS	Kinh tế học	Quản trị đổi mới sáng tạo
3.	Huỳnh Thị Thu Sương	TS	Kinh doanh & Quản lý	Lý thuyết đương đại về Quản trị kinh doanh
4.	Bảo Trung	TS	Quản trị Kinh doanh	Lý thuyết, nghiên cứu và thực hành Quản trị doanh nghiệp
5.	Nguyễn Xuân Hiệp	TS	Quản trị Kinh doanh	Lý thuyết, nghiên cứu và thực hành Quản trị doanh nghiệp
6.	Tô Anh Thơ	TS	Kinh tế	Phương pháp nghiên cứu 1 Phương pháp nghiên cứu 2

#### 2.1.2 Danh sách giảng viên thỉnh giảng

STT	HỌ VÀ TÊN	HỌC HÀM - HỌC VỊ	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	HỌC PHẦN THAM GIA GIẢNG DẠY
1.	Nguyễn Quyết Thắng	PGS.TS	Kinh tế	Đại học Công nghệ TP.HCM	Quản trị đổi mới sáng tạo
2.	Đoàn Thị Mỹ Hạnh	PGS.TS	Kinh doanh & Quản lý	Đại học Mở TPHCM	Lý thuyết đương đại về Quản trị kinh doanh
3.	Hoàng Thị Phương Thảo	PGS.TS	Kinh doanh & Quản lý	Đại học Mở TP.HCM	Quản trị tri thức
4.	Hà Thúc Viên	TS	Kinh doanh	Đại học Việt Đức	Quản trị đổi mới sáng tạo
5.	Nguyễn Hải Quang	PGS.TS	Quản trị Kinh doanh	Đại học Kinh tế Luật	Lý thuyết, nghiên cứu và thực hành Quản trị doanh nghiệp
6.	Lý Thị Minh Châu	TS	Kinh tế	Đại học Kinh tế TpHCM	Phương pháp nghiên cứu 3

## 2.2 Các điều kiện thực hiện chương trình

### 2.2.1 Phòng học và trang thiết bị phòng học

Số T T	Loại phòng học (phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học chuyên dụng)	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Phòng máy thực hành (306-Nguyễn Trọng Tuyển, Quận Tân Bình)	10	668,8	Máy tính	467	Phục vụ các học phần có thực hành trên máy tính
2	Phòng học ML	4	217	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
3	Phòng học ML	54	3.500	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
4	Phòng học thường	23	2.188	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
5	Phòng đa năng	4	189	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
6	Phòng học ML	23	1.979	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
7	Phòng học thường	25	1.223	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
8	Phòng thực hành	1	86	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
9	Phòng học ML	20	1.516	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
10	Phòng học thường (CS Q9)	50	4.712	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
11	Phòng thực hành	10	1.248	Máy tính	389	Phục vụ các học phần có thực hành trên máy tính

12	Phòng đa năng (CS Q9)	1	104	Máy chiếu	1	Phục vụ các học phần lý thuyết, thực hành
13	Phòng học thường (CS TXS-B)	6	420	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
14	Phòng Lab tiếng Anh (CS TXS-B)	3	270	Máy tính	147	Phục vụ các học phần tiếng Anh
15	Phòng thực hành CS TXS-B)	4	360	Máy tính	172	Phục vụ các học phần thực hành trên máy tính
17	Phòng đa năng (CS TXS-B)	5	240	Máy chiếu	1	Phục vụ các học phần lý thuyết, thực hành
16	Phòng học ML (CS TXS-A)	45	4.815	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
18	Phòng đa năng (CS TXS-A)	1	43	Máy chiếu	1	Phục vụ các học phần lý thuyết, thực hành

### 2.2.2 Mạng Internet

Tất cả các cơ sở đào tạo của Trường đã được trang bị hệ thống cơ sở hạ tầng Internet tốc độ cao để phục vụ công tác giảng dạy và học tập.

### 2.2.3 Thư viện, phòng đọc

- Tổng diện tích thư viện: 2.080 m<sup>2</sup>, trong đó có 1.300 m<sup>2</sup> là diện tích phòng đọc. Thư viện được đặt tại các cơ sở:
- Trụ sở chính: 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM.
  - o Cơ sở 1: 2/4 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7.
  - o Cơ sở 2: 2C Phở Quang, Phường 2, Quận Tân Bình.
  - o Cơ sở 3: B2/1A Đường 385, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9.
- Số chỗ ngồi: 300; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 101
- Phần mềm quản lý thư viện: PSC Zlis 7.0
- Đã có thư viện điện tử, đã kết nối với các cổng thông tin điện tử như:
  - o Cổng thông tin Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ.
  - o Cơ sở dữ liệu sách điện tử IGP.
  - o Cơ sở dữ liệu kết quả nghiên cứu quốc gia.
  - o Ebooks của Nhà xuất bản Tổng hợp.
  - o Cơ sở dữ liệu điện tử Proquest.

- Tài liệu tham khảo tại thư viện:
  - Số lượng đầu sách dạng in: 14.413; bao gồm sách tiếng Anh và tiếng Việt.
  - Tài liệu học tập các môn cơ sở và chuyên ngành du lịch, khách sạn, nhà hàng: 389 nhan đề /1733 bản.
  - Số lượng tựa tạp chí: 41.
  - Số lượng đầu sách, tài liệu điện tử:
    - Luận văn Thạc sỹ: 2.057 tựa; Chuyên đề tốt nghiệp: 70 tựa;
    - Tài liệu nghiên cứu khoa học: 12 tựa; Bài giảng: 54 tựa;
    - Tài liệu thuê quyền truy cập từ NXB Tổng hợp: 300.

#### 2.2.4 Học liệu

##### Tiếng Việt

1. Baker, K & Anderson, R. (2011), Quản trị doanh nghiệp – Lý thuyết, Nghiên cứu và Thực hành, Nhà xuất bản Wiley & Sons (bản quyền tiếng việt – công ty cổ phần thế giới sách hay.
2. Ikujiro Nonaka - Ryoko Toyama & Toru Hirata Ikujiro Nonaka - Ryoko Toyama & Toru Hirata (2016), Quản trị dựa vào tri thức, Nhà xuất bản: DT books - Pace & Nxb trẻ.
3. Havard Business (ebook 2017), Quản lý tính sáng tạo & đổi mới. giúp nhận biết cơ hội và đưa ra những ý tưởng đổi mới đến với thị trường, đồng thời nâng cao tính sáng tạo trong môi trường làm việc, available at <http://...>
4. Danh Văn (2019), Quản trị Tri thức: Mô hình quản trị hiện đại, *Tạp chí thông tin khoa học*, pp...
5. Đặng Thị Việt Đức và Nguyễn Phú Hưng (2017), Quản trị tri thức: Cách tiếp cận mới của quản trị doanh nghiệp – *Tạp chí công nghệ thông tin và truyền thông*, 6/2017, 38.
6. Trott, P. (2015), Quản trị đổi mới & phát triển sản phẩm mới development, Nhà xuất bản Pearson, USA.
7. Nguyễn văn thắng (2015), Giáo trình “Một số lý thuyết đương đại về quản trị kinh doanh: ứng dụng trong nghiên cứu”, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân, Hà nội.
8. Đặng Thị Việt Đức và Nguyễn Thu Hương (2016), Quản trị tri thức trong doanh nghiệp, NXB Thông tin và Truyền thông.



9. Đào Duy Huân (2012); Tri thức và Quản trị trong nền kinh tế tri thức, NXB giáo dục.
10. Phạm Anh Tuấn (2015), Tri thức và Quản trị tri thức, Luận án tiến sĩ Quản trị Kinh doanh, Đại học Kinh tế Quốc dân.
11. Hồ Tú Bảo (2016), *quản lý tri thức*; viện khoa học và công nghệ tiên tiến nhật bản (jaist).

### **Tiếng Anh**

12. Alchian, A. & Demsetz, H. (1972), Production, Information Costs, and Economic Organization, *American Economic Review*, 62: 777-95.
13. Chandler, A. (1990), Scale and Scope: The Dynamics of Industrial Capitalism. Cambridge: Harvard University Press
14. Teece David J. (2007), Explicating Dynamic Capabilities: The Nature and Microfoundations of (Sustainable) Enterprise Performance, *Strategic Management Journal*, 28: 1319-1350.
15. Hlupic V., Pouloudi A. & Rzevski G. (2002), *Towards an Integrated Approach to Knowledge Management: 'hard', 'soft' and 'abstract' issues*", *Journal of Knowledge and Process Management*, 9(2), pp. 90 – 102.
16. Huysman M. & De Wit D. (2000), *Knowledge Management in Practice, In Proceedings of the Knowledge Management Conference*, Edwards J, Kidd j Ed., 17-18 july, Birmingham, UK.
17. Nonaka I. and Takeuchi H (1995), *The Knowledge Creating Company: How Japanese Companies Create The Dynamics of Innovation*, Oxford University Press: Oxford.
18. Quintasp, L. and Jones g. (1997), *Knowledge Management: A Strategic Agenda*", *Long Range Planning*, 30(3), pp. 385 – 391.
19. Vesna Stojanović Aleksić (2016), Contemporary Issues in Economics, Business and Management, Conference Proceedings in 4th International Scientific Conference, Faculty of Economics University of Kragujevac, Kragujevac, The Republic of Serbia.
20. Katarzyna Stankiewicz (2015), Contemporary Issues and Challenges in Human Resource Management, Gdańsk University of Technology Faculty of

Management and Economics Gdańsk, Poland.

21. Ann-Kristin Bergquist (2017), *Business and Sustainability: New business history Perspectives*, Harvard Business School, USA.
22. Brooking, A. (1997), *The management of intellectual capital*, Long Range Planning, 30(3), pp. 364 – 365.
23. De Jarnet L. (1996), Knowledge, The Latest Thing, *Information Strategy: The Executives Journal*, 12(2), pp. 3 – 5.

### 2.3 Kế hoạch đào tạo

STT	Học phần	Tín chỉ	Thời gian thực hiện
1	Phương pháp nghiên cứu 1	2	Năm thứ nhất
2	Phương pháp nghiên cứu 2	3	Năm thứ nhất
3	Phương pháp nghiên cứu 3	3	Năm thứ nhất
4	Các học phần tự chọn chuyên sâu	6	Năm thứ nhất
5	Chuyên đề 1	2	Năm thứ 3
6	Chuyên đề 2	2	Năm thứ 3,4
7	Chuyên đề 3	2	Năm thứ 3,4

TRƯỞNG KHOA QTKD



TS. Huỳnh Thị Thu Sương